TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC **P – ISSN 3030 - 4644**
Hong Duc University Journal of Science **E – ISSN 3030 - 4652**

XÓA ĐI DẤU VẾT CỦA MAEKAWA HOMARE: SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA VẬT CHẤT - KÝ ỨC - BẢN NGÃ

MAEKAWA HOMARE'S *ERASING ALL TRACES*: THE CORRELATION BETWEEN MATERIALITY – MEMORY – THE SELF

Nguyễn Trần Đăng Khánh[1] [1,2] Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
Nguyễn Tấn Lộc[2,*] [2,*]: Tác giả liên hệ: nloc67888@gmail.com

DOI: *https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4652.91.10.2026.1529*

Ngày nộp bài: 13/08/2026.; Ngày gửi phản biện: 18/09/2026; Ngày duyệt đăng: 30/10/2026

Từ khóa: Vật chất, ký ức, bản ngã, Maekawa Homare, Xóa đi dấu vết.

TÓM TẮT

Bài viết tập trung làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa vật chất, ký ức và bản ngã con người trong tiểu thuyết Xóa đi dấu vết của nhà văn Maekawa Homare. Về phương pháp, bài viết chủ yếu vận dụng hướng tiếp cận liên ngành (văn học, tâm lý học, nhân học) để giải mã văn bản. Kết quả chỉ ra rằng di vật không phải là những vật thể vô tri mà là nơi cư trú của năng lượng tâm trí. Việc người sống khước từ đọc các vật chất không chỉ chặn đứng tiến trình ký ức của người đã khuất mà còn làm đứt gãy đời sống nội tâm của chính họ. Ngược lại, thông qua hành vi giải mã và trân trọng di vật, nhân vật đã tự chữa lành và tái lập bản ngã của chính mình. Từ đó, bài viết có thể trở thành một nguồn tư liệu tham khảo phù hợp cho các nghiên cứu văn học nước ngoài tiếp cận từ vật chất – ký ức – bản ngã.

Keywords:
Materiality, memory, the self, Maekawa Homare, Erase All Traces

ABSTRACT

This article focuses on clarifying the dialectical relationship between materiality, memory, and the human self in the novel "Erasing All Traces" by Homare Maekawa. Methodologically, the study primarily adopts an interdisciplinary approach – integrating literary studies, psychology, and anthropology – to decode the text. The findings indicate that relics are not inanimate objects; rather, they serve as repositories of mental energy. When the living refuse to decipher material traces,

they not only sever the memory continuum of the deceased but also fracture their own inner psychological lives. Conversely, through the acts of decoding and cherishing relics, characters achieve self-healing and reconstruct their identity. Consequently, this study serves as a valuable reference for foreign literary scholarship approaching texts through the lens of the materiality - memory - self.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Nhật Bản, cụm từ *kodokushi*, chỉ những cái chết cô độc không ai hay biết trong nhiều ngày, thậm chí nhiều tuần, đã không còn là một hiện tượng xã hội hiếm gặp mà dần trở thành một phần của đời sống đô thị hóa và già hóa dân số. Đối diện với mảng hiện thực u ám ấy, văn học đương đại Nhật Bản đã biến nó thành chất liệu để đặt lại câu hỏi về sự tồn tại của con người sau cái chết, và *Xóa đi dấu vết* (跡を消す, 2018) của Maekawa Homare là một trường hợp tiêu biểu.

Xóa đi dấu vết là cuốn tiểu thuyết đầu tay của Maekawa Homare; tài năng của ông được ghi nhận thông qua "Giải thưởng tiểu thuyết" của nhà xuất bản Poplar lần thứ 7 (Poplar Publishing, 2018). Khi được giới truyền thông nước nhà đón nhận, Igarashi (2020) đánh giá tác phẩm đã thành công trong việc khai thác các khía cạnh của công việc "dọn dẹp đặc biệt" một cách chân thực. Đối với việc tiếp nhận tác phẩm tại Việt Nam, tác giả Xuân Uyên (2026) đã nhìn nhận các cái chết trong truyện mang tính mỹ cảm sâu sắc. Song các bài viết thường tập trung vào việc phân tích bức tranh lao động và dường như các vấn đề vật chất, ký ức và bản ngã được xem xét một cách rời rạc thông qua các chi tiết trong tác phẩm. Sự tương quan giữa các phạm trù ấy trong tác phẩm vẫn chưa được nghiên cứu cụ thể và khoa học (dưới góc nhìn của các lý thuyết hiện đại) trong phạm vi trong nước và nước ngoài. Trên cơ sở khoảng trống đó, bài viết tiếp cận *Xóa đi dấu vết* thông qua mối quan hệ giữa vật chất, ký ức và bản ngã.

Các nghiên cứu về bản ngã thường tập trung vào hai hướng tiếp cận chính: hướng thứ nhất từ lăng kính hiện tượng học nhấn mạnh bản ngã thể nhập (embodied self), chỉ ra rằng cái tôi liên tục được định hình qua trải nghiệm thân thể và sự tương tác với thế giới vật chất (Shimada et al., 2026, pp. 8–9); hướng thứ hai nhấn mạnh vào căn tính tự sự (narrative identity), coi bản ngã là một tiến trình động, nơi con người kiến tạo ý nghĩa sống thông qua việc kể chuyện ở cả đời thực lẫn không gian số (Hnit & Almanna, 2025, pp. 5–6). Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu văn học tiếp cận từ góc độ mối quan hệ giữa thế giới vật chất và con người còn khá thưa vắng, đặc biệt đối với văn học Nhật Bản đương đại, khi phần lớn hướng tiếp nhận vẫn nghiêng về các

motif quen thuộc như thiên nhiên hay mỹ học – vô thường, chứ chưa làm rõ yếu tố tự sự và trải nghiệm vật chất – thân thể tác động qua lại để tái cấu trúc hành vi, nhận thức và bản sắc cá nhân.

Trên cơ sở đó, bài viết đặt ra câu hỏi nghiên cứu trung tâm: dấu vết vật chất khơi gợi tiến trình ký ức ra sao, và tiến trình đó tác động như thế nào đến bản ngã của cả người khuất lẫn người sống. Bằng cách kết hợp tri thức từ nhiều lĩnh vực trên, bài viết không chỉ cung cấp một cách kiến giải mới cho tác phẩm, mà còn góp phần bổ sung một nguồn tư liệu tham khảo cho hướng tiếp cận các mối quan hệ gắn bó sâu sắc trong tác phẩm (như vật chất – ký ức – bản ngã) thuộc văn học nước ngoài, một hướng đi vẫn còn nhiều dư địa để khai triển.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thứ nhất, phương pháp tiếp cận liên ngành được sử dụng làm nền tảng cho toàn bộ bài viết. Cụ thể, nghiên cứu văn học vận hành như trục trung tâm định hướng luận điểm, trong khi tâm lý học nhận thức (Conway & Pleydell-Pearce, 2000) cùng nhân học văn hóa (Kopytoff, 1986) hoạt động như những lăng kính bổ trợ. Sự giao thoa này giúp giải mã chiều sâu văn bản mà vẫn bảo toàn trọn vẹn bản chất phê bình văn học.

Thứ hai, phương pháp đọc vi mô (close reading) (Culler, 2010) được sử dụng để khảo sát tỉ mỉ các đoạn văn miêu tả dấu vết vật chất. Thao tác này gắn liền với việc đối chiếu diễn biến tâm lý và hành động của nhân vật nhằm phát hiện các tầng nghĩa ẩn lấp bên dưới thế giới nghệ thuật.

Thứ ba, phương pháp phân tích và tổng hợp đóng vai trò xâu chuỗi toàn bộ dữ kiện. Từ những chi tiết vi mô đã bóc tách, bài viết tiến hành khái quát hóa để đúc kết cơ chế vận động chung giữa vật chất, ký ức và bản ngã xuyên suốt tác phẩm.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Mối quan hệ giữa vật chất – ký ức – bản ngã trong nghiên cứu văn học

Bản ngã (self), theo William James, được cấu thành từ "I" tức chủ thể nhận thức, và "Me" tức đối tượng được nhận thức, bao gồm thân thể, tâm trí và mọi thứ cá nhân sở hữu (James, 1890, p. 291). Phát triển luận điểm này, Csikszentmihalyi và Rochberg-Halton (1981) cho rằng bản ngã được xây dựng và duy trì qua việc con người đầu tư năng lượng tâm trí (psychic energy) vào đồ vật, hoạt động và các mối quan hệ xung quanh mình (Csikszentmihalyi & Rochberg-Halton, 1981, p. 9). Từ đây, đồ vật không còn là thực thể vô hồn mà trở thành nơi lưu giữ, phản chiếu năng lượng tâm trí của chủ nhân, tạo lập nền tảng cho việc đọc văn học từ chiều kích vật chất của bản ngã.

Mở rộng hệ quy chiếu về thế giới đồ vật, Igor Kopytoff đề xuất xem chúng như một thực thể có "tiểu sử" (biography) riêng, luân chuyển giữa hai cực "hàng hóa hóa" và "cá thể hóa". Trong đó, vật bị hàng hóa hóa trở thành sản phẩm đại trà có thể mua bán, còn vật được cá thể hóa lại tách khỏi thị trường để mang dấu ấn cá nhân không thể thay thế (Kopytoff, 1986, pp. 64–91). Đóng góp của Kopytoff nằm ở việc lý giải vì sao đồ vật có thể trở thành di vật, nhưng ông chưa trả lời được đồ vật tác động đến đời sống tinh thần con người bằng cơ chế nào. Khoảng trống này khiến vật chất, nếu đứng một mình, vẫn chỉ là một thực thể trơ, chưa đủ sức chạm tới bản ngã.

Khoảng trống ấy được lấp đầy bởi mô hình "hệ thống ký ức và bản ngã" (self-memory system) (Conway & Pleydell-Pearce, 2000). Theo hai tác giả, ký ức về cuộc đời một người không được lưu trữ sẵn mà được xây dựng lại mỗi khi cần đến thông qua một tín hiệu khởi phát, có thể đơn thuần là một đồ vật quen thuộc. Tín hiệu ấy kích hoạt "kho tri thức tự truyện", đồng thời chịu sự chi phối của "bản ngã đang vận hành" (working self), tức những mối quan tâm hiện tại định hướng việc con người chọn nhớ gì (Conway & Pleydell-Pearce, 2000, pp. 261–262). Ký ức, do đó, không phải một bộ phận tĩnh nằm trong bản ngã, mà là tiến trình vận hành hai chiều nơi bản ngã quyết định cách ký ức được gọi ra, còn ký ức được gọi ra lại quay ngược định hình bản ngã. Đồng thời, chính mô hình này cho thấy ký ức không thể tự khởi phát nếu thiếu một tín hiệu vật chất cụ thể để bám vào.

Để hoàn thiện chuỗi vận động này, Belk khẳng định bản ngã cá nhân vượt khỏi ranh giới thân thể sinh học để mở rộng, cư trú vào những tài sản mà người đó sở hữu thông qua tuyên ngôn "Our possessions are a major contributor to and reflection of our identities" (Belk, 1988, p. 139). Mất đi tài sản, do đó, tương đương với việc đánh mất một phần bản ngã. Tuy nhiên, luận điểm này của Belk chỉ đứng vững nếu có một cơ chế trung gian giải thích được bằng cách nào việc mất một vật thể lại gây tổn thương cho một thực thể tinh thần, và cơ chế ấy chính là tiến trình ký ức vừa trình bày ở trên.

Ba khâu vật chất, ký ức và bản ngã mang sự tương đồng với hướng tiếp cận đồ vật như một chủ thể mang ý nghĩa tự sự (Phạm Thị Phương, 2017). Chúng không tồn tại độc lập mà ràng buộc lẫn nhau theo quan hệ nhân quả hai chiều, thiếu một khâu thì hai khâu còn lại không thể vận hành trọn vẹn. Vật chất tách khỏi ký ức chỉ còn là đồ vật trơ, như chính giới hạn của Kopytoff đã cho thấy. Ký ức tách khỏi vật chất lại thiếu một điểm tựa xác thực để khởi phát, dễ trôi thành tưởng tượng chủ quan, không đủ sức nặng tác động đến bản ngã. Bản ngã tách khỏi ký ức thì rơi vào trạng thái tĩnh, không có chất liệu để tự cập nhật, tự xác nhận hay tự chữa lành. Chính tính phụ thuộc lẫn nhau này biến vật chất, ký ức và bản ngã thành một cơ chế thống nhất, không thể quy giản về bất kỳ một yếu tố đơn lẻ nào.

Trong nghiên cứu văn học, tính bất khả phân này giải thích vì sao một chi tiết vật chất tưởng như nhỏ nhặt như một đôi giày, một dòng chữ hay một mảnh xương lại có thể mang sức nặng quyết định số phận tinh thần của nhân vật. Đồ vật là cái cớ để ký ức được khơi gợi hoặc bị chặn đứng, và số phận của tiến trình ký ức ấy quyết định bản ngã được phục dựng hay tan rã. Từ hệ quy chiếu này, thế giới đồ vật trong tiểu thuyết *Xóa đi dấu vết* không chỉ đơn thuần là sự trưng bày những di vật vô hồn, mà thực chất là một trường giao tranh nội tâm khốc liệt. Ở đó, hành trình tiếp nhận hay khước từ dấu vết vật chất chính là hành trình định đoạt sự tồn tại của ký ức, đồng thời là nỗ lực trục vớt bản ngã con người trước bờ vực của sự lãng quên.

3.2. Thế giới vật chất khơi gợi ký ức: quá trình truy tìm bản ngã của người đã khuất

Trong tác phẩm, không ai trong số những người đã khuất còn cơ hội để tự kể về mình. Điều duy nhất còn lại là những gì họ để lại, một đôi giày, một dòng chữ, một thói quen buổi sáng, và chính từ những mảnh vụn ấy, người sống buộc phải dựng lại một chân dung mà bản thân người trong cuộc không bao giờ có thể xác nhận hay phủ nhận nữa. Đây không phải là một tiến trình ghi nhớ theo nghĩa thông thường, vì Asai và Sasagawa chưa từng quen biết những người đã khuất. Nhưng theo cơ chế mà Conway và Pleydell-Pearce mô tả, mỗi dấu vết vẫn đóng vai trò một tín hiệu khởi phát, buộc người sống phải chủ động dựng lên một câu chuyện, dù câu chuyện đó được ráp nối từ suy đoán chứ không phải từ trải nghiệm cá nhân (Conway & Pleydell-Pearce, 2000). Kopytoff gọi cách tiếp cận này là việc đặt cho vật một câu hỏi vốn chỉ dành cho người, "what, sociologically, are the biographical possibilities inherent in its 'status'... where does the thing come from and who made it?" (Kopytoff, 1986, pp. 66–67), và trong *Xóa đi dấu vết*, câu hỏi ấy hiếm khi tìm được một câu trả lời trọn vẹn. Đôi giày mòn vẹt trong tủ của một người chết cô độc khiến Asai chỉ có thể dừng lại ở phỏng đoán, "Người ấy thuộc típ sống tằn tiện hay chỉ đơn giản là không có tiền nhỉ?" (Maekawa, 2018/2026, p. 59), một câu hỏi mà chính độ mòn "đến biến dạng" của đôi giày (Maekawa, 2018/2026, p. 59) gợi lên nhưng không giải đáp: hình thể méo mó của một vật dụng quen thuộc gợi về một cơ thể đã bị năm tháng bào mòn theo cách tương tự, nhưng bào mòn vì lẽ gì thì chỉ có người đã khuất mới biết.

Có những dấu vết cất tiếng rõ ràng hơn một đôi giày, nhưng không vì thế mà bớt mơ hồ. Dòng chữ "ngoằn ngoèo như giun bò" trên tường một căn hộ khác (Maekawa, 2018/2026, p. 79), trước khi được đọc ra thành "Muốn ăn sushi. Nhưng phải cố mà nhịn thôi" (Maekawa, 2018/2026, p. 79), mang trong chính nét chữ run rẩy của nó một tầng nghĩa đi trước cả nội dung, rằng một bàn tay đã yếu đến mức không còn viết được thẳng hàng. Người kể chuyện gọi đó là thứ "phơi bày cả cuộc sống của người ấy" (Maekawa, 2018/2026, p. 79), nhưng động từ "phơi bày" ở đây cần đọc chậm lại, bởi

nó chỉ phơi bày đúng một khát khao cụ thể trong những ngày cuối, không phải toàn bộ một đời người. Sasagawa hồi đáp dấu vết ấy bằng cách đặt một hộp inari sushi trước bức tường đã bị xóa chữ (Maekawa, 2018/2026, p. 87), như thể tin rằng nghĩa của nét chữ run rẩy kia vẫn còn hiệu lực dù người viết đã không còn, và cách hồi đáp này gần với điều Belk mô tả khi ông gọi những vật gắn với ai đó là thứ "act as signs of the self that are essential in their own right for its continued cultivation" (Rochberg-Halton, 1984, dẫn theo Belk, 1988, p. 140): dấu hiệu tiếp tục sống, dù chủ nhân của nó thì không.

Căn phòng của Hikaru lại đặt ra một dạng khó khăn khác, không phải vì dấu vết quá ít mà vì chúng quá nhất quán và hoàn hảo, không giống với những cái chết khác. Ga giường "phẳng phiu không có lấy một nếp nhăn" (Maekawa, 2018/2026, p. 114), đôi giày leo núi còn dính "một ít bụi đất khô, là dấu vết chứng tỏ mới gần đây thôi nó vẫn còn được sử dụng" (Maekawa, 2018/2026, p. 117), tấm ảnh bình minh trên đỉnh Phú Sĩ dán trên màn hình máy tính; tất cả cùng vẽ nên hình ảnh một người trẻ có kỷ luật sống lành mạnh, đến mức tấm thảm dã ngoại trải dưới cánh cửa tủ, nơi anh chọn để kết thúc đời mình, trở thành chi tiết duy nhất không ăn khớp với phần còn lại của căn phòng. Chính sự lệch pha này khiến Asai không tìm được một lối đọc nào ổn thỏa, chỉ còn biết đặt liên tiếp ba giả thiết, "Anh ấy đã buông bỏ tất cả sao? Anh ấy có hối hận không? Hay anh ấy cảm thấy được giải thoát?" (Maekawa, 2018/2026, p. 116), và việc để ngỏ cả ba khả năng, thay vì chọn lấy một, mới là điều trung thực nhất mà một dấu vết vật chất có thể cho phép. Có lẽ chi tiết đáng đọc kỹ nhất trong toàn bộ căn phòng ấy lại không nằm ở những gì bày ra trước mắt, mà ở việc Hikaru đã mặc tã người lớn trước khi treo cổ, "để không gây phiền hà cho những người dọn phòng" (Maekawa, 2018/2026, p. 120), một dấu vết vô hình, không thể nhìn thấy trực tiếp mà chỉ được suy ra, nhưng lại nói nhiều về con người anh hơn bất cứ vật thể hữu hình nào trong phòng.

Cùng một người, nhưng qua hai văn bản khác nhau lại hiện lên hai chân dung khó dung hợp. Trong ký ức của bà Shiraboshi, Hikaru là cậu bé "thích mấy thứ bánh kẹo", từng được mẹ dẫn đi leo núi để chữa bệnh hen từ nhỏ (Maekawa, 2018/2026, p. 122), một hình ảnh được kể bằng chất giọng ấm áp, chi tiết, gần như không hề có dấu hiệu báo trước điều sắp xảy ra. Đặt cạnh mấy dòng cuối cùng anh để lại, "Con đã từng muốn trở thành một người mạnh mẽ. Từ lúc còn nhỏ con đã suy nghĩ rất nhiều... Mẹ ơi, con xin lỗi" (Maekawa, 2018/2026, p. 118), khoảng cách giữa hai văn bản đã cho thấy rằng một bên là bản ngã được yêu thương nhớ lại, một bên là bản ngã tự thuật, ngắn đến mức nghẹt thở, không kịp giải thích vì sao phải xin lỗi.

Không phải dấu vết nào cũng được người sống sẵn lòng đọc ra ý nghĩa của nó. Thói quen lau tấm gương toàn thân mỗi sáng của người em trai ông Kamiya từng chỉ được xem là "kỹ tính đến bệnh hoạn" (Maekawa, 2018/2026, p. 164), một cách gọi tên

đã mang sẵn sự khinh miệt, cho đến khi Sasagawa tìm thấy tờ giấy in về liệu pháp gương chữa chứng đau chi ma và nối lại: "Tôi nghĩ em trai ông chắc hẳn đã rất lo lắng cho chứng đau chi ma của ông" (Maekawa, 2018/2026, p. 212). Điều từng bị coi là tật xấu hóa ra là một cử chỉ quan tâm thầm lặng, song phát hiện ấy không đủ sức thắng nổi phản xạ chối từ của người anh, anh ta phủ nhận suy nghĩ của người khác: "Đó chỉ mày tự tưởng tượng ra thôi" (Maekawa, 2018/2026, p. 212). Lời phủ nhận này quan trọng ngang với chính phát hiện, bởi nó cho thấy một dấu vết có thể đã mang sẵn một sự thật xác đáng về người đã khuất, nhưng sự thật ấy vẫn cần một người thật sự tin vào thì mới trở thành một phần được công nhận của bản ngã người đó, chứ không tự động thành sự thật chỉ vì đã được tìm ra.

Ngược lại, câu chuyện về vị hôn phu của Kiyose là nơi hiếm hoi mà chuỗi dấu vết được xác nhận trọn vẹn, không dừng lại ở nghi vấn. "Anh ấy chẳng bao giờ nhớ mấy chuyện như thế đâu... Chỉ những lúc sau trận cãi vã, khi cảm thấy đôi bên đều có vẻ muốn làm lành, anh ấy sẽ pha cho tôi một tách cà phê mà chẳng nói lời nào. Đó là tín hiệu của sự hòa giải" (Maekawa, 2018/2026, p. 252). Trong lời kể của Kiyose, im lặng đã thay cho lời xin lỗi, hương cà phê đã thay cho ngôn ngữ, và chính vì hệ quy ước riêng ấy tồn tại, tấm biên lai mua hạt cà phê với "Ngày tháng trên đây là đúng một ngày trước ngày anh ấy biến mất" (Maekawa, 2018/2026, p. 267) mới đủ sức trở thành bằng chứng chứ không chỉ là một mẩu giấy vụn. Dòng chữ khắc bên trong hai chiếc nhẫn, "Special Blend" (Maekawa, 2018/2026, p. 277), tên loại cà phê của buổi hẹn đầu tiên, khép chuỗi dấu vết lại bằng một sự trùng khớp không thể là ngẫu nhiên, và điều khiến chuỗi suy luận này đứng vững, khác với những trường hợp còn lơ lửng ở trên, chính là việc người đọc ra nó. Kiyose giờ đây cũng chính là người duy nhất còn giữ chìa khóa của hệ ký hiệu mà cả hai từng cùng tạo ra khi còn sống bên nhau.

Nhìn lại từ đôi giày mòn đến chiếc nhẫn khắc chữ, một mạch chung âm thầm nối các dấu vết này lại với nhau; phần lớn chúng đều mang dáng dấp của một sự tự thu mình, một đời sống đã quen với việc không muốn chiếm nhiều chỗ, không muốn làm phiền, đến mức ngay cả khi không còn ai buộc phải chịu đựng sự hiện diện của mình nữa, thói quen ấy vẫn để lại dấu ấn trong cách căn phòng được sắp xếp, cách bức thư được viết, cách cái chết được chọn lựa. Bản ngã của người đã khuất, vì thế, không hiện ra như một sự thật chờ được khai quật nguyên vẹn, mà như một tập hợp những mảnh nhỏ, mỗi mảnh chỉ đúng một phần, và người sống chỉ có thể chắp chúng lại gần nhau, biết rằng bức chân dung dựng lên từ đó sẽ mãi mãi thiếu đi tiếng nói duy nhất có thể xác nhận nó là đúng hay sai.

3.3. Khước từ dấu vết: sự chặn đứng tiến trình ký ức và đứt gãy bản ngã

Trong thế giới nghệ thuật của tiểu thuyết *Xóa đi dấu vết*, di vật không đơn thuần chứa đựng bản ngã của người đã khuất mà còn liên tục soi chiếu bản ngã của người

còn sống. Do đó, khi những "dấu vết" qua góc nhìn của những người thân, quá trình tương tác hai chiều đầy nghiệt ngã đã diễn ra thông qua hành vi khước từ của họ.

Ở chiều tác động thứ nhất, dưới góc nhìn nhân học văn hóa của Kopytoff, số phận của vật chất luôn dao động giữa hai thái cực. Nếu ở thái cực cá thể hóa, cấu trúc mang đậm dấu ấn cá nhân duy nhất, thì thái cực hàng hóa hóa lại cho ta thấy một tiến trình biến đồ vật thành sản phẩm đại trà. Khi người sống từ chối nhìn nhận giá trị tinh thần thiêng liêng của di vật, họ đã dùng tư duy thực dụng để đẩy đồ vật rơi ngược trở lại thái cực bị hàng hóa hóa hoặc biến thành rác rưởi vô nghĩa, hoàn toàn tước đoạt vị trí của nó trong hệ thống ý nghĩa. Sự khước từ vật chất này trực tiếp vô hình hoá sự tồn tại tinh thần còn sót lại của người chết.

Biểu hiện rõ rệt nhất cho quy luật phân giải bản ngã này được khắc họa qua vụ người em trai chết cô độc trong một căn phòng ngập rác. Bản thân căn nhà đã phản chiếu một sự xa cách tâm lý sâu sắc, khoảng cách vật lý của hai anh em rất gần nhưng sự kết nối trong tim lại hoàn toàn bị đứt gãy. Ông Kamiya, người anh trai, thừa nhận một cách dửng dưng: "Mặc dù cùng sống trong một căn nhà, nhưng tôi chẳng hề phát hiện ra nó đã chết trong suốt hai tuần. Kỳ diệu, nhỉ?" (Maekawa, 2018/2026, pp. 163–164). Dường như sự khước từ giao tiếp khi sống kéo theo sự khước từ bản ngã khi chết. Đối lập hoàn toàn với một không gian chứa đầy sự tỉ mỉ, công phu, được sắp đặt gọn gàng giống như một "vương quốc" hoàn hảo gắn liền với máy tính và bộ sưu tập mô hình nhân vật hoạt hình anime mà người em từng trân trọng (Maekawa, 2018/2026, p. 170), ông Kamiya chỉ nhìn chúng bằng lăng kính của sự quy đổi một cách thực dụng. Ông ta chỉ quan tâm và tò mò: "Trong phòng này có những gì thế?", và tính toán: "Chắc bán đi cũng được mấy đồng…" (Maekawa, 2018/2026, p. 175). Đồ vật chứa đựng tinh thần của người em bị người anh hạ thấp như một món hàng hóa đại trà, thậm chí, ông ta còn lộ rõ ý đồ lợi dụng việc nhân viên vô ý làm hỏng mô hình để đòi giảm giá dịch vụ dọn dẹp (Maekawa, 2018/2026, p. 173). Sự xóa sổ bản ngã dần căng thẳng khi nhân viên dọn dẹp đặc biệt tìm thấy một mảnh xương cốt của người em bị bỏ lại trên sàn nhà (Maekawa, 2018/2026, p. 201). Đây là dấu vết cuối cùng đại diện cho thân thể và bản ngã con người, nhưng người anh trai đã khước từ nó một cách tàn nhẫn: "Gì chứ, bẩn quá đi thôi... Tôi không cần cái này... Cứ vứt đi thôi. Vứt đi cùng mấy món đồ bẩn thỉu của nó ấy" (Maekawa, 2018/2026, pp. 208–209). Hành động vung tay ném mạnh mảnh di cốt ra ngoài cửa sổ biến mất vào bãi hoang chính là biểu hiện rõ ràng của việc từ chối phân loại di vật. Qua việc biến xương cốt em mình thành rác thải bẩn thỉu, người anh đã khước từ sự tồn tại duy nhất của người em trong xã hội, đẩy bản ngã ấy vào hư vô.

Ở chiều tác động thứ hai, hành vi khước từ dấu vết vật chất tác động ngược trở lại chính bản ngã của người sống. Theo lý thuyết cấu trúc "Cái tôi mở rộng" của Belk,

bản ngã của một cá nhân vượt ra ngoài ranh giới cơ thể sinh học để cư trú vào đồ vật và tài sản, đồng thời mở rộng vào các mối quan hệ ruột thịt (vợ chồng, cha mẹ, con cái). Do đó, hành vi khước từ giữ lại hay đọc dấu vết của người thân thực chất là một cơ chế tự vệ của tâm lý nhằm làm tê liệt nỗi buồn giống như hành động "ngắt công tắc điện" (Maekawa, 2018/2026, p. 132). Xét theo cơ chế ký ức tự truyện của Conway và Pleydell-Pearce, đây chính là hành vi chủ động tránh né tín hiệu khởi phát: một khi tín hiệu, tức đôi giày, dòng chữ, hay mảnh xương, không được phép xuất hiện, tiến trình dựng lại ký ức cũng không có cơ hội bắt đầu, và bản ngã gắn với người đã khuất buộc phải đứng yên trong trạng thái dang dở. Tuy nhiên, xét về mặt bản ngã, hành vi tự cắt đứt mối liên kết với quá khứ này lại dẫn đến tổn thương trực tiếp và làm đứt gãy đời sống nội tâm của chính người sống.

Hình tượng nhân vật bà Shiraboshi, mẹ của người thanh niên tự sát Hikaru, là một minh chứng cho cơ chế tâm lý phức tạp này (Maekawa, 2018/2026, p. 111). Trong suốt quá trình dọn dẹp, bà luôn cố gắng duy trì trạng thái bình tĩnh một cách lạ thường, bà "vẫn luôn nở nụ cười tươi tắn, và nhanh nhẹn vứt bỏ di vật của con trai" (Maekawa, 2018/2026, p. 128), liên tục lẩm bẩm gọi con là đứa con trai ngu ngốc (Maekawa, 2018/2026, p. 112), chỉ toàn làm khổ mẹ nó thôi, thậm chí nói đùa về tiền dưỡng già bị hao hụt. Sự phản kháng và nụ cười giả tạo ấy chính là biểu hiện của một con người "... không thể sống được nếu không làm cho nỗi buồn của mình tê liệt. Giống như ngắt công tắc điện vậy" (Maekawa, 2018/2026, p. 132). Khi Asai dọn tủ giày và tìm thấy đôi giày leo núi cao cổ, anh ta đã tìm thấy vật chất chứa đựng ký ức tuổi thơ của Hikaru, đó là khoảnh khắc mà một đứa trẻ bị hen suyễn nặng từng được mẹ dắt đi leo núi để tăng cường thể lực sau khi cha mẹ ly hôn (Maekawa, 2018/2026, p. 122). Dẫu cho gắn bó, bà Shiraboshi vẫn kiên quyết khước từ: "Nhờ cậu vứt đi nhé... Vứt đi thì đơn giản thôi... Vẫn nhờ cậu vứt đi giùm tôi nhé" (Maekawa, 2018/2026, pp. 129–130). Đôi giày là vật dụng chứa đựng năng lượng tâm trí của Hikaru, và bà mẹ muốn tiêu hủy nó để xóa sạch vết tích, hòng trốn chạy bản ngã của chính mình. Thế nhưng, khi Asai đuổi theo trên con phố sầm uất và ép bà phải nhận lại đôi giày, lớp vỏ bọc tự vệ tưởng chừng như cứng rắn đến tuyệt đối đã "ngắt mạch buồn" lập tức sụp đổ (Maekawa, 2018/2026, p. 132). Nụ cười biến mất, đôi mắt bà đỏ ngầu, ầng ậng nước và bà quỳ gục xuống than khóc giữa dòng người: "Nếu mang đôi giày ấy về nhà... thì tôi sẽ phải thừa nhận... rằng con tôi đã không còn nữa... tôi sẽ phải thừa nhận điều đó... đúng không...?" (Maekawa, 2018/2026, pp. 140–141). Lời thú tội đớn đau khi một người mẹ không hề nhận ra nỗi đau của con mình, sự quan tâm đã chuyển thành cảm giác hối hận khi nhận ra sự thật ấy. Chính câu hỏi "Cậu đang bảo một người mẹ như vậy cười lên sao?" (Maekawa, 2018/2026, p. 141) đã bóc trần sự thật rằng hành vi khước từ di vật trước đó không phải là sự mạnh mẽ, mà là sự tự trừng phạt, tự cắt bỏ bản ngã quan hệ mẫu tử trong đau đớn và hối hận muộn màng.

Sự soi chiếu bản ngã của người đã khuất để "nhìn" thấy mình rõ hơn, thể hiện rõ nét qua trường hợp dọn dẹp tại căn hộ của cô Kiyose. Trong tác phẩm, thế giới đồ dùng hàng ngày được cô giữ lại vượt lên trên vai trò một món đồ lưu niệm đơn thuần. Chúng là điểm tựa vật chất để neo giữ ký ức của cô về người chồng quá cố. Cô bấu víu vào di vật vì nhận ra hình ảnh của chồng trong đầu mình đang ngày một nhạt nhòa (Maekawa, 2018/2026, pp. 240, 256). Chính những cuộc cãi nhau rất nhỏ về việc anh ăn mặc lôi thôi, không đeo cà vạt khi đi nhận nhẫn cưới vào ngày Giáng sinh cũng đã dẫn đến việc họ thấy tiếc nuối khi chưa kịp nói lời xin lỗi đối phương (Maekawa, 2018/2026, pp. 263–264). Vì mặc cảm tội lỗi, cô Kiyose quyết định thuê người xóa sạch mọi dấu vết và vứt bỏ cặp nhẫn. Hành vi này là một cố gắng khước từ di vật, chủ động loại bỏ các giá trị do người sở hữu gán nghĩa. Tình huống nhận thức bắt đầu khi Asai thấy trong đống di vật một chiếc ví da dài xếp đầy biên lai và tìm thấy một mảnh giấy: "Biên lai mua hạt cà phê... ngày tháng trên đây là đúng một ngày trước ngày anh ấy biến mất" (Maekawa, 2018/2026, p. 267). Kết hợp với thói quen của người chồng, anh ta chỉ pha cà phê khi cảm thấy đôi bên muốn làm lành sau trận cãi vã như một "tín hiệu của sự hòa giải" (Maekawa, 2018/2026, p. 252). Manh mối vật chất nhỏ bé này đã cứu vớt một tình yêu đang bị bóp méo, giúp người vợ can đảm nhìn vào lòng nhẫn để nhận ra dòng chữ khắc thêm "Special Blend" (Maekawa, 2018/2026, p. 277). Sự thấu hiểu muộn màng giúp cô soi chiếu lại bản ngã của mình, tìm thấy sức mạnh nội tâm để mỉm cười nói lời từ biệt và giữ lại cặp nhẫn thay vì vứt bỏ trong oán hận (Maekawa, 2018/2026, p. 277).

Tựu trung lại, hành vi khước từ dấu vết là một quá trình tương tác hai chiều, tác động đồng thời đến bản ngã của người đã khuất và bản ngã của người thân còn sống. Bản ngã của người đã khuất, giờ đây, không còn bị đóng khung trong một phạm vi nhất định, mà tồn tại phụ thuộc vào việc người sống có sẵn lòng để tiến trình ký ức diễn ra hay không. Có người khước từ dấu vết nhằm ngăn chặn tiến trình ấy bắt đầu, cũng có người khước từ vì không thể chịu đựng nổi những chấn thương vốn luôn bị soi chiếu lại mỗi khi dấu vết xuất hiện. Song, xét đến cùng, bản chất của hành vi khước từ là né tránh việc soi chiếu bản ngã của chính mình qua những ký ức, mảnh vỡ và dấu vết còn sót lại.

3.4. Xóa đi dấu vết: quá trình khép kín giữa vật chất – ký ức – bản ngã của người xử lý

Ngược lại với tiến trình giải thể do khước từ, hành vi tiếp nhận một cách trân trọng và "đọc" lại các dấu vết vật chất của những nhân viên dọn dẹp đặc biệt tại Dead Morning chính là quá trình đảo ngược cơ chế tổn thương. Belk (1988) cho rằng việc con người dựa vào đồ vật để dựng lại bản ngã của người đã mất mang cơ chế tương đồng với quá trình các thám tử thu thập manh mối để phục dựng hiện trường, từ đó cứu

vớt và phục hồi phần bản ngã tinh thần đang trên đà biến mất (p. 144). Trong tiểu thuyết, hành vi "xóa đi dấu vết" không phải là quá trình tiêu hủy vô cảm, mà là sự thấu hiểu, đó là quá trình chuyển hóa những dấu vết đau thương thành một phần của ký ức. Quan trọng hơn hết, tiến trình phục dựng bản ngã cho người khác đã tạo ra một chiều tác động ngược, làm thay đổi sâu sắc và kiến tạo lại bản ngã cho chính những người thực hiện công việc dọn dẹp. Việc lặp đi lặp lại công việc dọn dẹp đặc biệt đã giúp hai nhân vật Asai Wataru và Sasagawa Keisuke sửa chữa những đứt gãy nội tâm để tái lập một bản ngã mới rõ rệt và kiên cường.

Diễn biến bản ngã này được khắc họa sinh động nhất qua nhân vật "tôi" – Asai Wataru. Ban đầu, Asai là một lao động tự do, sống nửa chừng nửa vời, trốn chạy áp lực xã hội và thờ ơ với gia đình. Mục tiêu cuộc đời cậu là sống thụ động, vô định "như một con sứa trôi dạt trong lòng biển" (Maekawa, 2018/2026, p. 71). Vật bất ly thân của cậu là chiếc từ điển điện tử, một công cụ cơ giới giúp cậu phát ngôn những bất mãn nội tâm thay vì tự mình đối thoại (Maekawa, 2018/2026, pp. 68–69). Khi mới bước vào nghề dọn dẹp đặc biệt, Asai làm việc trong trạng thái khủng hoảng, sợ hãi trước vết đen hình người. Cậu quăng quật túi di vật một cách vô cảm đến mức bị Kaede mắng thẳng vào mặt là kẻ chưa từng nghiêm túc làm bất cứ việc gì hay có mối quan hệ chân thành với ai (Maekawa, 2018/2026, pp. 76–77). Sự khủng hoảng tâm lý của Asai cho thấy bản ngã của anh ta đang bị áp chế bởi nỗi sợ hãi thế giới vật chất của cái chết, anh bị khước từ năng lực kết nối chân thành với con người. Thế nhưng, khi lặp lại hành vi chạm tay vào di vật, anh đã ý thức được rằng "đây là một phần của ai đó" (Maekawa, 2018/2026, p. 81). Anh bắt đầu cảm nhận chiều sâu cuộc đời người đã khuất. Bản ngã của Asai có sự biến chuyển: các giá trị của tha nhân dần trở thành một phần trong cái tôi mở rộng của anh. Cậu dũng cảm phản kháng, bảo vệ cuốn từ điển điện tử có vết nứt màn hình trước sự nhục mạ của bạn bè để khẳng định giá trị bản thân. Tình huống hành động bắt đầu khi anh tham gia vào vụ tự tử đôi thảm khốc của hai mẹ con bé Yuri. Đối diện với hiện trường đầy máu và sự trốn chạy vì chấn thương tâm lý của Sasagawa, Asai không còn là con sứa nhút nhát. Hơn thế, cậu đã can đảm nhận cái tát của Kaede để tỉnh thức (Maekawa, 2018/2026, p. 354), anh ta dường như đã thấu hiểu triết lý rằng phải lao vào màn đêm, vươn đôi tay của chính mình về phía bóng tối để kéo người khác lại. Hành động Asai dồn lực giật đứt tấm rèm cản sáng để đem ánh ban mai tràn ngập căn phòng tăm tối của Sasagawa chính là khoảnh khắc cậu phá vỡ sự dè chừng của chính mình, đồng thời bước đầu giải quyết tình trạng tù đọng của Sasagawa (Maekawa, 2018/2026, pp. 364–365). Ở chương kết, chi tiết Asai cất cuốn từ điển vào sâu trong tủ, hành động này cho thấy anh đã ngừng dựa dẫm vào máy móc để trốn chạy, từ một nhân viên bán thời gian trốn việc trở thành nhân viên chính thức đầy trách nhiệm. Từ đây, phải chăng Asai đã tìm thấy "khúc xương" để neo đậu, hình thành bản ngã của bản thân một cách trách nhiệm và trắc ẩn.

Song song với Asai, người hướng dẫn Sasagawa Keisuke cũng trải qua quá trình phục hồi bản ngã một cách kỳ diệu. Sasagawa xuất hiện với bản ngã bị đóng băng: luôn mặc bộ tang phục đen, chiếc áo thêu chữ "Y.S". Bản thân luôn bị mắc kẹt trong quá khứ kể từ đêm Giáng sinh định mệnh. Khoảnh khắc ấy, anh bất lực nhìn đứa con gái ba tháng tuổi Yoko chết vì hội chứng đột tử trẻ sơ sinh, khiến anh đau đớn từ bỏ công việc chuyên viên cấp cứu. Anh lập công ty tên "Dead Morning" và tự giam mình trong văn phòng ẩm thấp, không có ánh sáng mặt trời như một hình thức tự trừng phạt, chấp nhận "câm lặng mà sống cùng nỗi bi thương" (Maekawa, 2018/2026, pp. 336–337). Thậm chí, anh lạnh lùng tuyên bố sau cái chết con người không còn lại gì ngoài thể xác thối rữa, nhưng lại âm thầm mua sushi hay đặt hoa giả trước hiện trường để an ủi người khuất, một sự mâu thuẫn của một bản ngã khao khát yêu thương nhưng cố tình cự tuyệt ánh sáng (Maekawa, 2018/2026, p. 318). Nhờ hành động quyết liệt giật rèm cứu vớt của Asai (Maekawa, 2018/2026, pp. 364–365), Sasagawa lần đầu tiên khóc, cũng là lúc anh ấy rũ bỏ những giọt nước mắt kìm nén suốt nhiều năm và tìm lại động lực sống cho tương lai. Sự lột xác bản ngã của hai thế hệ nhân viên đặc biệt ở chương kết, khi Sasagawa cởi bỏ tang phục (Maekawa, 2018/2026, p. 398) và cùng Asai chuyển đến văn phòng mới có cửa sổ lớn tràn ngập ánh sáng, đổi tên công ty thành "Công ty dọn dẹp đặc biệt chuyên nghiệp Good Morning" (Maekawa, 2018/2026, pp. 402–403).

Sự thay đổi tên công ty là minh chứng xác đáng cho sự tái lập bản ngã hướng về sự sống và tương lai. Đúng như câu tục ngữ giàu triết lý mà người mẹ đã truyền đạt cho Asai qua điện thoại: "Nếu một con sứa sống đủ lâu, thì có lẽ đến một ngày nào đó nó sẽ gặp được một khúc xương và trở thành con sứa có xương thôi" (Maekawa, 2018/2026, p. 311). Bản ngã của con người không hề biến mất sau cái chết nếu những dấu vết vật chất được nâng niu, trân trọng và chính hành trình kiên trì bảo tồn dấu vết của người khác đã trở thành chiếc "xương sống" vững chãi giúp những người dọn dẹp kiến tạo nên một bản ngã kiên cường, ý nghĩa cho chính cuộc đời mình. Đây chính là biểu hiện rõ nhất của quan hệ giữa vật chất, ký ức và bản ngã, bởi lẽ, mỗi lần vật chất khơi gợi một ký ức mới về người đã khuất, chính "bản ngã đang vận hành" của Asai và Sasagawa cũng được cập nhật theo, để bản ngã mới đó lại tiếp tục định hướng cách họ đọc dấu vết ở hiện trường kế tiếp. Đó là một quá trình khép kín, nơi vật chất khơi gợi ký ức, và con người tự bồi đắp bản ngã của mình thông qua chính tiến trình ấy.

4. KẾT LUẬN

Thông qua việc tiếp cận tác phẩm *Xóa đi dấu vết* (Maekawa Homare) từ góc nhìn liên ngành, bài viết đã chỉ ra rằng dấu vết vật chất trong tác phẩm không đơn thuần là chi tiết nghệ thuật minh họa cho cái chết, mà là điểm khởi phát cho một tiến trình ký

ức không ngừng được dựng lại. Bản ngã con người trong thế giới nghệ thuật của Maekawa Homare chưa bao giờ là tài sản riêng của một cá nhân đơn lẻ, mà luôn được neo giữ, thử thách và tái sinh trong mối quan hệ giữa con người với thế giới vật chất xung quanh mình. Bởi vậy, việc khước từ hay trân trọng di vật từ phía người ở lại cũng là cách họ đối diện với những thương tổn nội tâm, tự chữa lành và tái lập bản ngã cho chính mình. Đóng góp của bài viết, do đó, gợi mở khả năng vận dụng khung lý thuyết liên ngành giữa nhân học văn hóa, tâm lý học nhận thức về ký ức và tâm lý học tiêu dùng cho những nghiên cứu văn học nước ngoài tiếp theo, đặc biệt với dòng văn học đương đại lấy cái chết cô độc và ký ức vật chất làm trung tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Belk, R. W. (1988). Possessions and the extended self. *Journal of Consumer Research*, 15(2), 139–168.

Conway, M. A., & Pleydell-Pearce, C. W. (2000). The construction of autobiographical memories in the self-memory system. *Psychological Review*, 107(2), 261–288.

Csikszentmihalyi, M., & Rochberg-Halton, E. (1981). *The meaning of things: Domestic symbols and the self*. Cambridge University Press.

Culler, J. (2010). The closeness of close reading. *ADE Bulletin*, (149), 20–25. https://doi.org/10.1632/ade.149.20

Hnit, H., & Almanna, A. (2025). Constructing identity through narratives: Personal, social, and digital dimensions. Social Sciences & Humanities Open, 12, Article 101692. https://doi.org/10.1016/j.ssaho.2025.101692

Igarashi, D. (2020). A topical work depicting the world of “special cleaning” that erases the traces of people who met with isolated deaths, suicides, and other circumstances goes paperback. Da Vinci Web. https://ddnavi.com/article/d656048/a/

James, W. (1890). *The principles of psychology (Vol. 1)*. Henry Holt and Company.

Kopytoff, I. (1986). The cultural biography of things: Commoditization as process. In A. Appadurai (Ed.), *The social life of things: Commodities in cultural perspective* (pp. 64–91). Cambridge University Press.

Maekawa, H. (2026). *Xóa đi dấu vết* (Minh An, Dịch). Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam. (Original work published 2018)

Phạm Thị Phương. (2017, ngày 4 tháng 9). *Khi đồ vật là nhân vật*. Khoa Văn học - Ngôn ngữ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM. https://www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/ly-luan-va-phe-binh-van-

hoc/6640-khi-%C4%91%E1%BB%93-v%E1%BA%ADt-l%C3%A0-nh%C3%A2n-v%E1%BA%ADt.html

Poplar Publishing. (2018). *The 7th Poplar Publishing New Novelist Award*. Poplar. https://www.poplar.co.jp/award/award1/7.html

Shimada, S., Tanaka, S., Morioka, S., Rode, G., Roy, J.-M., & Rossetti, Y. (2026). Narrative embodiment: A conceptual framework linking the narrative self and the embodied self. *New Ideas in Psychology*, 83, Article 101285. https://doi.org/10.1016/j.newideapsych.2026.101285

Xuân Uyên. (2026). L'OFFICIEL BOOK CLUB: *"Xóa đi dấu vết" – Đi qua cái chết để hiểu cách sống*. L'Officiel Vietnam. https://www.lofficielvietnam.com/love-life/lofficiel-book-club-xoa-dji-dau-vet-dji-qua-cai-chet-dje-hieu-cach-song

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.
Thông tin tài trợ: Nghiên cứu này không nhận được tài trợ từ bên ngoài.